

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1034 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án ĐTXD đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ kênh Tào Khê, xã Cách Bi đi khu công nghiệp Quế Võ 1) Km2+023,54-Km3+500

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công nhóm B và nhóm C trọng điểm;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo thẩm định số 1385/SGTVT-QLCL ngày 20/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án ĐTXD Đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ kênh Tào Khê, xã Cách Bi đi khu công nghiệp Quế Võ 1) Km2+023,54-Km3+500 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đường trục huyện Quế Võ (đoạn từ kênh Tào Khê, xã Cách Bi đi khu công nghiệp Quế Võ 1) Km2+023,54-Km3+500.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án huyện Quế Võ.

3. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, đường giao thông, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

ĐTXD tuyến đường có chiều dài $L=1.476,46m$ theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, vận tốc thiết kế $V=60Km/h$, bề rộng mặt cắt ngang $B_n=15.5m$ với $B_m=7.5m$; lề đường bên trái phía kênh Nam rộng 3,0m, lề đường bên phải rộng 5,0m; Mặt đường cấp cao A1, $E_y/c \geq 140$ Mpa; độ dốc ngang mặt đường 2%; độ dốc ngang lề đường 4%.

- Điểm đầu: Xuất phát từ Km2+023,54 (lý trình dự án) giao với đường TL.287, thuộc địa phận xã Việt Hùng.

- Điểm cuối: Kết thúc tại Km3+500 lý trình dự án lập (giao với TL.279, thuộc địa phận xã Phụng Mao).

- Đầu tư đồng bộ các hạng mục nền, mặt đường, thoát nước, hệ thống an toàn giao thông theo quy định.



6. Các giải pháp thiết kế:

* **Bình đồ hướng tuyến:** Theo quy hoạch được duyệt.

* **Trắc dọc tuyến:** Được khống chế bởi cao độ các điểm đầu tuyến, cuối tuyến, cao độ nền đường đi dọc kênh mương và cao độ quy hoạch các công trình xung quanh.

* **Trắc ngang:** Bề rộng nền đường $B_n=15.5m$ với $B_m=7.5m$; lề đường bên trái phía kênh Nam rộng 3,0m, lề đường bên phải rộng 5,0 m; Độ dốc mái taluy đắp 1:1,5, mái taluy đào 1:1

* **Nền đường:** Đắp bằng cát đen đầm chặt K95; 50cm trên cùng tiếp giáp với kết cấu áo đường đắp cát đầm chặt K98. Phạm vi nền đường đắp lún ruộng, mương, ao trước khi đắp phải đào bỏ hết lớp đất hữu cơ, đất không thích hợp; đắp bao ta luy bằng đất tận dụng (sét hoặc á sét), chiều dày 1m.

* **Mặt đường:** Mặt đường cấp cao A1, $E_y/c \geq 140Mpa$, gồm các lớp sau:

- + 5 cm bê tông nhựa chặt 12,5; Tưới nhựa dính bảm 0,5 kg/m²;
- + 7 cm bê tông nhựa chặt 19; Tưới nhựa thấm bảm 0,5 kg/m²;
- + 15 cm cấp phối đá dăm loại I;
- + 25 cm cấp phối đá dăm loại II.

* **Thoát nước ngang đường:**

- Các công thủy lợi thiết kế nối dài hoặc xây mới bằng các loại cống tròn D600, D800 theo chỉ dẫn của ngành nông nghiệp; Cống tròn dùng ống cống BTCT đúc sẵn TTC. Ống cống đặt trên các đế đúc sẵn, lắp 03 đế/2,5md. Móng cống đệm đá dăm đầm chặt. Đầu cống, tường cánh cống thiết kế xây đá hộc vữa XM75#.

- Cống hộp 2x(2x2,5)m : Móng cống hộp gia cố bằng cọc tre, 25cọc/m², trải CPĐD loại 2 đệm dày 15cm đầm chặt; Bê tông cốt thép thân cống và tường cánh M300# đá 1x2, cốt thép, thiết kế theo tải trọng HL93; Khi thi công cống hộp đặt cống tạm D800 để dẫn nước của kênh.

* **Tuynel kỹ thuật:**

- Tại các nút giao, bố trí hệ thống cống kỹ thuật cấu tạo bằng BTCT lắp ghép M250, kích thước BxH= 0,6x0,4m. Móng hào đổ bê tông M200 đá 2x4 dày 20cm được đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Hồ ga cống kỹ thuật: Móng hố đổ bê tông M150# đá 2x4 dày 20cm, được đặt trên lớp đá dăm đệm đầm chặt dày 10cm; tường hố dày 33cm, được xây gạch M75# vữa XM M75#; trát tường trong VXM M75# dày 2cm; mũ mố được đổ bê tông đá 1x2 M200#; tấm đan được đổ BTCT M200# lắp ghép.

* **Cây xanh:** Trồng cây sao đen dọc hai bên lề đường tạo cảnh quan, bóng mát.

* **Hệ thống an toàn giao thông:** Biển báo, sơn kẻ đường ... thiết theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019 của Bộ Giao thông vận tải.

D. Tổng mức đầu tư: 39.088.655.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, không trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí GPMB (tạm tính)	11.860.025.000	đồng;
- Chi phí Xây dựng:	20.970.017.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	424.936.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.771.021.000	đồng;
- Chi phí khác:	509.142.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.553.514.000	đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025 và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020-2023;
2. Phân chia gói thầu: Căn cứ vào nguồn vốn bố trí cho công trình, Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định;
3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành; hoàn thiện một số nội dung của Dự án Theo Báo cáo thẩm định số 1385/SGTVT-QLCL ngày 20/7/2020 của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND huyện Quế Võ, Ban quản lý dự án huyện Quế Võ và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.XDCB; CVP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Quang Khải